

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP CÁC MÔN VĂN HÓA
KỲ THI THÁNG 11/2022

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	MÔN THI			Ghi chú
					Toán	Lý	Hóa	
1	19000815	Lê Đình An	20/02/2004	19T4-ĐĐT1			6.8	
2	19000347	Nguyễn Hoàng Phương	01/11/2003	19T4-LĐL1			6.3	
3	19000095	Nguyễn Ngọc Hoàng Ân	08/04/2004	19T4-LTM1	7.3	7.3		
4	19001416	Nguyễn Long Thiên Ân	04/07/2004	19T4-NNA2	5.0			
5	19000305	Phan Tuấn Anh	01/07/2003	19T4-CNÔ2		6.5		
6	19001371	Trần Quốc Anh	18/10/2004	19T4-KML1	5.0	8.0		
7	19000981	Phạm Tuấn Anh	21/08/2004	19T4-LTM2	7.5			
8	19001045	Vũ Quốc Hoàng Anh	07/01/2004	19T4-QTM1		5.8		
9	19001028	Nguyễn Thị Kim Anh	06/08/2004	19T4-TKĐ2			8.3	
10	19000795	Phạm Thị Phương Anh	22/09/2004	19T4-TKĐ2		5.5		
11	19000067	Trịnh Đức Anh	26/02/2004	19T4-TKW1		6.3		
12	19001504	Trần Đình Quế Anh	05/10/2003	19T4-TMĐ1			8.0	
13	19001331	Huỳnh Minh Anh	21/07/2004	19T4-ĐCN1		7.3	5.0	
14	19003317	Trần Hà Kiều Anh	03/11/2002	19T4-KTD2		6.8		
15	19001675	Âu Kim Anh	20/04/2004	19T4-TKW1		6.0		
16	19000534	Nguyễn Lê Thanh Bạch	19/12/2004	19T4-THU1			7.0	
17	19001009	Đào Thị Huệ Băng	12/02/2004	19T4-CNM1		5.0		
18	18002032	Nguyễn Gia Bảo	08/08/2003	18T4-THU1	8.3			
19	19001157	Nguyễn Gia Hoài Bảo	01/08/2004	19T4-CKC1		5.3		
20	19003547	Phạm Tuấn Bảo	31/05/2003	19T4-CKC2		6.8		
21	19001408	Lê Huyền Bảo	06/01/2004	19T4-CMT1		3.5		

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	MÔN THI			Ghi chú
						Toán	Lý	Hóa	
22	19000491	Trương Gia	Bảo	10/09/2004	19T4-CNÔ3	3.0	6.0		
23	19001272	Nguyễn Văn	Bảo	18/11/2004	19T4-KML1		7.0		
24	19000280	Phạm Ngọc Thiên	Bảo	23/08/2004	19T4-LTM1	6.0	7.5		
25	19000350	Trần Chí	Bảo	02/06/2004	19T4-QTM1	6.5	7.5	6.5	
26	19001135	Trần Thanh	Biêu	30/05/2003	19T4-ĐCN1	5.8	8.5		
27	19001111	Lê Đức Huy	Bình	26/12/2001	19T4-QTM1	6.5		6.5	
28	19001188	Võ Ngọc Bảo	Châu	07/09/2004	19T4-NNA2			8.0	
29	19000146	Nguyễn Mạnh	Chinh	12/10/2004	19T4-CNÔ1			8.0	
30	20001602	Nguyễn Văn	Chung	20/04/1996	20T2-ĐCN1	7.3			
31	19001319	Nguyễn Đức	Chương	13/10/2004	19T4-KTD2	5.0	3.8		
32	19000376	Đặng Minh	Cường	26/07/2004	19T4-QTD1	5.0		8.0	
33	18001541	Trần Trọng	Đại	22/02/2003	18T4-CMT1	5.3		7.0	
34	17002630	Nguyễn Phước Quý	Đạt	22/03/2002	17T4-TKW1	9.0	8.8	10.0	
35	19000301	Lương Công	Đạt	20/08/2004	19T4-LĐL1	5.0	5.0		
36	19001905	Trần Tiến	Đạt	18/04/2004	19T4-LTM2	3.0	3.3		
37	19000032	Huỳnh Văn	Đạt	14/05/2004	19T4-QTM1	8.0			
38	19000099	Trần Thái Thành	Đạt	20/12/2004	19T4-QTM1			8.5	
39	19002317	Phan Hồng	Dĩ	01/03/2004	19T4-TCD1		9.0		
40	19004626	Nguyễn Văn	Đức	04/03/2001	19T2-ĐCN1	1.0	2.8	3.0	
41	19004385	Lê Huỳnh	Đức	30/04/2004	19T4-CKC2		4.3		
42	19001468	Ngô Gia	Đức	04/12/2004	19T4-NNA2	5.0			
43	19000919	Hà Minh	Đức	23/09/2004	19T4-QTM1		7.0		
44	19001044	Nguyễn Ngọc	Đức	04/11/2003	19T4-TKW1	5.0	6.5		
45	19000864	Đỗ Minh	Đức	08/10/2004	19T4-VSL1		7.3		
46	19004562	Nguyễn Hùng	Dũng	01/06/2003	19T4-ĐCN2	3.5	5.0		
47	19001750	Trần Quang	Dũng	27/10/2004	19T4-NNA3	5.0	4.3		
48	19001745	Nguyễn Vũ Ánh	Dương	14/02/2003	19T4-CNM1	6.0	10.0		

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	MÔN THI			Ghi chú
						Toán	Lý	Hóa	
49	17000344	Bùi Thanh	Duy	01/6/2000	17T4-THU1	2.8		6.5	
50	18002199	Nguyễn Hoàng Khương	Duy	16/02/2002	18T4-ĐĐT1		7.8	8.8	
51	19002997	Thân Quốc	Duy	15/05/2001	19T2-CNÔ1		V		
52	19004600	Trà Anh	Duy	21/08/2001	19T2-QTM1		7.3		
53	19002082	Đoàn Khánh	Duy	29/02/2004	19T4-ĐĐT1	8.0	5.8	6.5	
54	19002072	Nguyễn Hoàng Bảo	Duy	20/08/2004	19T4-LĐL1		3.8	5.0	
55	19001420	Đặng Bá	Duy	26/06/2004	19T4-LTM2		5.8		
56	19000327	Huỳnh Nguyễn Minh	Duy	14/07/2001	19T4-TKĐ1	5.0	4.3	5.0	
57	19000151	Hồ Khánh	Duy	25/10/2004	19T4-VSL1		6.3	5.0	
58	19000905	Sú Huệ	Duyên	13/02/2004	19T4-CNM1		3.3		
59	19000673	Bùi Nguyễn Kỳ	Duyên	06/09/2004	19T4-NNA1			7.0	
60	18000458	Võ Hoàng	Gia	24/08/2003	18T4-ĐĐT1	V	V	V	
61	19001304	Trần Ngọc	Giàu	21/05/2004	19T4-NNA2			7.0	
62	19000253	Huỳnh Châu Ngọc	Giàu	31/07/2004	19T4-TKĐ1	3.3	5.3	6.0	
63	19000731	Mai Thanh	Hà	19/01/2004	19T4-QTD1			6.0	
64	17003530	Trần Phi	Hải	02/09/2000	17T4-QTM1	6.5	8.3	5.0	
65	19004024	Nguyễn Minh	Hải	24/01/2001	19T2-ĐCN1	7.0			
66	19004004	Lê Đức	Hải	18/12/2003	19T4-ĐCN1		6.0		
67	19001300	Lưu Gia	Hân	03/02/2004	19T4-NNA2		7.0	5.8	
68	19001488	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	09/03/2004	19T4-NNA2			7.5	
69	19000638	Nguyễn Đặng Phương	Hằng	25/12/2004	19T4-NNA1			6.0	
70	17000471	Lê Minh	Hào	06/12/2001	17T4-THU1		5.0		
71	18000182	Thái Minh	Hào	29/05/2003	18T4-KXD1	6.3			
72	19000777	Nguyễn Đại	Hào	14/05/2004	19T4-CĐT1		6.5		
73	19002227	Lê Gia	Hào	26/08/2004	19T4-TMĐ1			5.0	
74	19001572	Đặng Trung	Hậu	28/12/2004	19T4-CKC1		8.0		
75	19002058	Phan Thiều Thanh	Hiệp	03/07/2002	19T4-CMT2	1.0		5.0	

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	MÔN THI			Ghi chú
						Toán	Lý	Hóa	
76	18000447	Trần Minh	Hiếu	10/12/2003	18T4-CNÔ1		8.0		
77	19000141	Nguyễn Trung	Hiếu	09/07/2004	19T4-CNÔ1			8.3	
78	19001766	Hoàng Minh	Hiếu	15/12/2003	19T4-KTD2	6.0	5.0		
79	19001417	Nguyễn Minh	Hiếu	25/10/2004	19T4-LTM1	3.5		6.0	
80	18000434	Hồng Châu	Hoàn	06/12/2003	18T4-TKĐ1	7.0	6.0	8.3	
81	19000998	Bùi Văn	Hoàng	29/10/2004	19T4-CĐT1			5.8	
82	19003161	Dương Minh	Hoàng	17/02/2004	19T4-CMT2		7.0		
83	19000586	Phạm Minh	Hoàng	17/09/2004	19T4-CNÔ3			8.0	
84	19000231	Đồng Đình	Huân	13/08/2004	19T4-CNÔ2	4.0	0.0		
85	19000487	Nguyễn Trần Bách	Huân	17/12/2004	19T4-QTM1	1.8	0.0	V	
86	19003094	Phạm Minh	Hùng	03/01/2001	19T2-QTM1	1.0			
87	19000252	Bùi Quang	Hùng	02/04/2003	19T4-CNÔ2			6.3	
88	19000918	Phạm Sang Quốc	Hưng	29/12/2000	19T4-KTD1	5.0	3.8		
89	19001286	Nguyễn Tấn	Hưng	09/04/2004	19T4-TKĐ2		6.0		
90	19002213	Văn Tô Minh	Huy	01/10/2004	19T4-CĐT1		5.8		
91	19001140	Trần Gia	Huy	24/06/2004	19T4-CNÔ5	5.5			
92	19001399	Đình Quang	Huy	31/07/2004	19T4-ĐCN1		6.0		
93	19002180	Trần Hoài Gia	Huy	19/11/2004	19T4-KTD2		6.0		
94	19000124	Lê Phước	Huy	16/03/2004	19T4-LĐL1		6.0	5.3	
95	19002258	Phan Anh	Huy	07/07/2004	19T4-THU1	7.0		7.5	
96	19001914	Trần Đức	Huy	12/03/2004	19T4-THU1	7.8	6.5		
97	19001016	Nguyễn Ngọc	Huy	16/10/2004	19T4-CNÔ5	1.0			
98	18000060	Nguyễn Hồ Hoàng	Huỳnh	19/05/2003	18T4-CNÔ1	7.0	7.3		
99	18001427	Ngô Văn	Huỳnh	23/11/2002	18T4-KTD1	7.5	7.3	6.8	
100	19001618	Lê Tấn	Khải	23/05/2004	19T4-NNA3		5.0		
101	17000008	Đặng Hoàng Nhật	Khang	16/11/2002	17T4-ĐTC1			8.5	
102	18000763	Phạm Nguyễn Duy	Khang	24/11/2003	18T4-LTM1	9.0			

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	MÔN THI			Ghi chú
						Toán	Lý	Hóa	
103	19000994	Võ Đức Lý	Khang	01/07/2004	19T4-CCK1	3.3	4.3		
104	19000196	Hoàng	Khang	28/05/2004	19T4-CNÔ1	3.5	1.5		
105	19001755	Nguyễn Trường Bảo	Khang	24/08/2003	19T4-TKW1			8.0	
106	19000433	Nguyễn Chí	Khanh	20/06/2003	19T4-CNÔ3	5.0			
107	19001052	Đình Hoàng	Khánh	09/04/2003	19T4-CKC1	5.0	5.5	5.3	
108	19001484	Trần Đình Nguyễn	Khánh	05/01/2004	19T4-LTM2	8.0	7.3	9.0	
109	17000098	Đỗ Phạm Anh	Khoa	05/5/2002	17T4-CNÔ1	8.0	8.0	8.3	
110	17000912	Huỳnh Trọng	Khoa	23/03/2001	17T4-CNÔ3	8.0	3.8	5.5	
111	18001256	Nguyễn Đăng	Khoa	27/05/1999	18T4-VSL2	V	V	V	
112	19002718	Ung Văn	Khoa	24/07/2004	19T4-CKC2		7.5	8.0	
113	19000355	Phạm Đăng	Khoa	21/11/2003	19T4-NNA1		6.5		
114	19001446	Bùi Đăng	Khoa	29/09/2003	19T4-VSL1	6.8			
115	18000224	Trần Nhật Minh	Khôi	29/07/2003	18T4-THU1	5.0	1.5	5.5	
116	19000647	Lê Anh	Khôi	24/02/2003	19T4-CKC2		6.8		
117	19003086	Phạm Lê Duy	Khôi	11/03/2004	19T4-NNA3	5.0	6.5	7.0	
118	16001274	Nguyễn Tiến	Kiên	01/05/2000	16TCN-Đ	7.0	10.0		
119	19000944	Trần Gia	Kiệt	24/11/2004	19T4-CNÔ5	V	V	V	
120	19000778	Phạm Nguyễn Hoàng	Kim	27/05/2004	19T4-TKĐ2			5.0	
121	19000810	Võ Cao	Kỳ	01/02/2004	19T4-LTM1	6.3	7.5		
122	19000743	Nguyễn Thị Trúc	Lan	28/01/2004	19T4-NNA1		3.5	7.3	
123	19001394	Nguyễn Thị Hoàng	Lan	20/04/2002	19T4-QTD1		6.3		
124	19000392	Lương Tuyết	Linh	01/01/2004	19T4-NNA1			6.5	
125	19001656	Đình Ánh	Linh	19/11/2004	19T4-THU1	5.0			
126	19000158	Trương Gia	Linh	15/07/2004	19T4-TKĐ1	3.0	5.3		
127	18000824	Trần Võ Tấn	Lộc	31/07/2003	18T4-CMT1	3.8	2.8		
128	18000211	Lý Hữu	Lợi	30/03/2003	18T4-CNÔ1		5.0	6.5	
129	19000609	Nguyễn Huỳnh	Long	08/12/2004	19T4-CNÔ3	5.8			

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	MÔN THI			Ghi chú
						Toán	Lý	Hóa	
130	19001260	Nguyễn Hoàng	Long	05/01/2004	19T4-THU1	5.5	6.0	7.5	
131	19000456	Nguyễn Tiến	Long	28/07/2004	19T4-TKĐ1		6.0	6.5	
132	19003954	Nguyễn Hoàng	Luân	02/10/2004	19T4-VSL2	5.0			
133	19000093	Trần Trí	Lực	25/12/2004	19T4-CNÔ1	V	V	V	
134	19003441	Nguyễn Văn	Mạnh	23/06/2003	19T4-LĐL1	6.5			
135	18000020	Mai Hoàng	Minh	10/06/2001	18T4-NNA1		5.5		
136	18000400	Võ Hoàng Nhật	Minh	27/06/2003	18T4-THU1	6.3	3.3	6.5	
137	19001222	Trần Nhật	Minh	25/06/2004	19T4-CMT1	5.0		5.8	
138	19000056	Bành Nguyễn Cao	Minh	17/07/2004	19T4-CNÔ1			6.8	
139	19001181	Nguyễn Ngọc Hoài	Minh	13/11/2004	19T4-CNÔ5	10.0	6.3	9.3	
140	19001334	Hoàng Hữu	Minh	06/04/2004	19T4-LGT1		9.8		
141	19000509	Hoàng Huy	Minh	16/07/2004	19T4-TKĐ1			7.5	
142	19001566	Phạm Quỳnh	My	19/09/2004	19T4-CNM1		7.8		
143	19000694	Đào Bảo	My	06/01/2004	19T4-KTD1		5.5		
144	19001343	Nguyễn Thị Kiều	My	27/08/2004	19T4-TKĐ2		7.0		
145	16000209	Đặng Vũ Thành	Nam	15/05/2001	16TCN-QTM1	6.8		7.8	
146	18000671	Trần Quốc	Nam	24/03/2003	18T4-ĐĐT1	5.5			
147	19001577	Vũ Minh	Nam	07/12/2004	19T4-KML1	V	V		
148	19000149	Phạm Quỳnh	Nga	05/05/2003	19T4-KTD1	1.5			
149	18005431	Phùng Lê Kim	Ngân	09/01/2003	18T4-TCD1	2.8			
150	19000849	Đậu Thùy Kiều	Ngân	12/04/2004	19T4-CNM1	6.0			
151	19001008	Lê Nguyễn Bảo	Ngân	18/10/2004	19T4-KTD1			7.0	
152	19000110	Trần Ngọc	Ngân	26/04/2004	19T4-KTD1	1.5	1.8	1.5	
153	19000894	Lê Dương Mai	Ngân	10/10/2004	19T4-NNA1			5.0	
154	19000337	Nguyễn Thị Kim	Ngân	26/10/2004	19T4-TMĐ1	5.0		5.0	
155	19000914	Lý Bích	Ngọc	02/05/2004	19T4-CNM1		7.3	5.8	
156	19000850	Đậu Trịnh Như	Ngọc	13/12/2004	19T4-THU1			6.5	

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	MÔN THI			Ghi chú
						Toán	Lý	Hóa	
157	19000177	Chu Nguyễn Tuấn	Ngọc	18/08/2003	19T4-TKW1	3.8	3.3	6.5	
158	20000138	On Bồi	Ngọc	30/08/2002	20T2-ĐCN1		6.8	5.0	
159	18000261	Trần Huỳnh Bảo	Ngọc	22/08/2003	18T4-NNA1		5.0	6.8	
160	19001290	Nguyễn Thanh	Nhân	05/04/2004	19T4-CMT1	7.8		5.0	
161	19000311	Phạm Nguyễn Hoàng	Nhân	24/11/2004	19T4-CNÔ2	6.0			
162	19000544	Nguyễn Thành	Nhân	10/10/2004	19T4-QTM1	6.3	7.0	0.0	
163	18000684	Hồ Đỗ Tú	Nhi	19/12/2003	18T4-TKĐ1	5.8	5.8	5.8	
164	19000753	Trần Nguyễn Phương	Nhi	01/08/2004	19T4-TKĐ2		7.8		
165	19000052	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	22/06/2004	19T4-QTD1		7.5		
166	19001450	Đoàn Quỳnh	Như	28/07/2004	19T4-TKĐ2	6.5	5.0	7.0	
167	18001478	Huỳnh Nhật Tấn	Phát	12/10/2002	18T4-ĐCN1	7.0	6.8	6.0	
168	19002542	Nguyễn Thanh	Phát	25/07/2004	19T4-CĐT1		6.8		
169	19000187	Đinh Tiến	Phát	20/05/2004	19T4-CMT1	V	V	V	
170	19000762	Nguyễn Thành	Phát	04/12/2003	19T4-CNÔ4			6.8	
171	19000331	Trương Tường	Phát	30/01/2004	19T4-ĐĐT2		2.0		
172	19001763	Mỵ Đặng Đại	Phát	01/01/2003	19T4-KTD2		5.0		
173	19001864	Đào Thịnh	Phát	19/10/2003	19T4-TKĐ1	2.8	5.0	7.0	
174	19000254	Đào Ngọc	Phát	30/09/2004	19T4-ĐĐT1		6.8		
175	19001669	Vũ Huy	Phong	07/01/2004	19T4-TCD1			6.3	
176	19002176	Chí Quang	Phú	14/12/2004	19T4-LĐL1		10.0		
177	19001349	Nguyễn Thanh	Phú	04/08/2004	19T4-NNA2			5.3	
178	19000652	Trần Phạm Ngọc	Phú	24/12/2004	19T4-TKĐ2		5.3	6.0	
179	19001614	Nguyễn Hoàn	Phúc	12/02/2004	19T4-CCK1		8.5		
180	19000194	Nguyễn Lê Thiên	Phúc	21/08/2003	19T4-CNÔ1		3.8	5.0	
181	19000064	Xa Đồng	Phúc	09/10/2003	19T4-CNÔ1		6.0		
182	19000140	Nguyễn Trọng	Phúc	25/10/2003	19T4-LGT1		7.0		
183	19001220	Phạm Hữu	Phúc	28/02/2004	19T4-LGT1		9.0		

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	MÔN THI			Ghi chú
					Toán	Lý	Hóa	
184	18001162	Đoàn Thị Phụng	16/04/2003	18T4-NNA2			5.0	
185	18001287	Nguyễn Sanh Minh Phước	02/05/2003	18T4-CNÔ5	8.3	7.8	8.5	
186	20004902	Trần Hữu Phước	01/10/2002	20T2-ĐCN1	5.0		7.3	
187	19001410	Hà Văn Hoàng Phước	11/11/2004	19T4-TKW1		10.0	7.0	
188	19003737	Nguyễn Trần Phương	02/05/2001	19T2-QTM1		5.5		
189	19001642	Trần Đình Hường Phương	15/10/2004	19T4-LTM2	5.0	4.0		
190	17002227	Nguyễn Thị Cẩm Phương	18/12/2002	17T4-THU1		5.0		
191	19000374	Đỗ Vinh Quang	03/11/2004	19T4-CNÔ2	3.5			
192	19001235	Nguyễn Huỳnh Minh Quang	17/09/2004	19T4-ĐCN2			7.3	
193	19002066	Nguyễn Minh Quang	09/04/2004	19T4-LĐL1	5.0	3.8	5.0	
194	19000077	Trần Nhật Quang	14/07/2004	19T4-NNA1	5.0	6.5	5.0	
195	19000144	Trần Đăng Quang	07/04/2004	19T4-TMĐ1		10.0	7.3	
196	19005284	Nguyễn Chí Quang	26/01/2003	19T4-NNA3	3.5	4.0	7.0	
197	19001846	Võ Tú Quyên	18/03/2004	19T4-TKĐ2		9.8		
198	19000954	Đào Thị Hoa Quỳnh	10/02/2004	19T4-KTD2	6.3	6.3		
199	17000258	Bùi Đặng Ngọc San	10/11/2002	17T4-NNA1	7.0	6.0	5.5	
200	18000539	Đặng Hoàng Sang	27/05/2003	18T4-LTM1		5.0	5.0	
201	17002232	Nguyễn Thanh Sơn	09/06/2001	17T4-ĐCN1	V	V		
202	19001043	Phan Ngọc Sơn	30/06/2004	19T4-LGT1	V			
203	19000296	Ngô Vũ Hoàng Sơn	24/09/2004	19T4-CNÔ2			6.3	
204	19001599	Đỗ Tiến Sỹ	02/12/2004	19T4-KML1	0.0	5.0		
205	18000760	Nguyễn Tấn Tài	11/07/2003	18T4-CMT1	5.0	6.0		
206	18003348	Ngô Trí Tài	22/10/2003	18T4-ĐĐT1		9.0	5.0	
207	19001667	Lê Tấn Tài	17/03/2004	19T4-KTD2	2.5			
208	19001421	Phạm Duy Tài	24/10/2004	19T4-THU1	7.8			
209	19000721	Nguyễn Huỳnh Tài	11/03/2004	19T4-TKĐ2	6.5			
210	19001738	Trần Anh Tài	14/07/2003	19T4-KXD1			7.5	

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	MÔN THI			Ghi chú
						Toán	Lý	Hóa	
211	17000395	Bùi Thành	Tâm	09/06/2002	17T4-ĐCN1			7.3	
212	19002024	Nguyễn Văn	Tâm	12/06/2001	19T2-CNÔ1	V	V		
213	19001564	Phùng Nguyễn Hoàng	Tâm	08/04/2004	19T4-CCK1		5.3		
214	19000086	Giang Lê Đức	Tâm	07/07/2004	19T4-CNÔ1	5.8		6.3	
215	19001595	Trương Thị Mỹ	Tâm	17/11/2004	19T4-NNA2	7.0		6.5	
216	19001866	Phạm Hà	Tâm	10/12/2004	19T4-TKĐ2	8.3			
217	19000885	Nguyễn Đắc Nhân	Tâm	02/03/2004	19T4-TKW1			7.3	
218	19000867	Đỗ Duy	Tân	14/09/2003	19T4-CNÔ4	2.8	5.3	5.0	
219	19001187	Hồ Minh	Tân	10/08/2004	19T4-KML1	2.5			
220	19000499	Nguyễn Hoàng	Tấn	11/06/2004	19T4-ĐĐT2		7.0		
221	18000723	Lê Ngọc	Thạch	11/08/2003	18T4-ĐCN1	9.0	9.8	8.5	
222	19001342	Nguyễn Phan	Thái	02/10/2002	19T4-CKC1		10.0		
223	19001058	Phạm Quốc	Thái	11/06/2004	19T4-QTM1	6.3	5.5	5.0	
224	19001161	Lê Quốc	Thái	24/01/2004	19T4-TKW1		7.3		
225	19004518	Nguyễn Quốc	Thắng	29/04/2001	19T2-ĐCN1		8.0		
226	19001515	Nguyễn Ngọc	Thắng	04/04/2003	19T4-ĐCN2		8.0	7.5	
227	19000329	Đặng Bá	Thắng	21/09/2003	19T4-ĐĐT2	7.0			
228	19000293	Trần Phan Quốc	Thắng	04/05/2004	19T4-ĐĐT2	0.5	3.5	2.8	
229	19001226	Tổng Hoàng Trang	Thanh	29/09/2003	19T4-NNA2		8.3		
230	19001256	Dương Ngọc Kiều	Thanh	13/11/2004	19T4-TCD1		8.0		
231	19001679	Hoàng Xuân	Thành	02/11/2004	19T4-ĐCN2	0.0	V	0.0	
232	19001203	Võ Minh	Thi	09/09/2004	19T4-CNÔ5	3.3		5.3	
233	18000110	Nguyễn Ngọc	Thiên	21/10/2003	18T4-CMT1		6.0		
234	19001649	Trần Gia	Thiên	25/07/2003	19T4-NNA3		V		
235	19001333	Văn Đức	Thiện	12/08/2004	19T4-CĐT1		6.8	5.0	
236	19004021	Phùng Quốc	Thiện	18/10/2003	19T4-TKW1	V	V	V	
237	18000113	Huỳnh Lê Trường	Thịnh	24/05/2003	18T4-ĐĐT1		6.0		

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	MÔN THI			Ghi chú
						Toán	Lý	Hóa	
238	19000846	Trần Quốc	Thịnh	08/08/2001	19T4-ĐCN2			7.3	
239	18000568	Huỳnh Đức	Thọ	12/09/2002	18T4-CNÔ3	5.5	7.5	6.5	
240	19005038	Hồ Quốc	Thoại	16/10/2004	19T4-LĐL1	5.0			
241	19001946	Nguyễn Quốc	Thông	21/07/2003	19T4-CCK1		7.5		
242	19003573	Lê Viết	Thông	12/10/2004	19T4-NNA3	V	V	V	
243	19000247	Nguyễn Minh	Thông	08/07/2002	19T4-TKĐ1		4.0	5.0	
244	19001322	Nguyễn Trí	Thông	21/04/2004	19T4-VSL2			5.0	
245	17000057	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	07/01/2002	17T4-NNA1	1.8			
246	18001446	Trần Anh	Thư	05/09/2003	18T4-QTD2	5.3	5.0	5.0	
247	19000134	Nguyễn Anh	Thư	22/06/2004	19T4-THU1	5.0	6.8		
248	19000460	Nguyễn Ngọc	Thùy	28/11/2003	19T4-TKĐ1		5.8		
249	19000382	Nguyễn Anh	Tiến	02/12/2004	19T4-CNÔ2	5.3			
250	19001822	Đỗ Minh	Tiến	15/11/2004	19T4-LTM2		7.8		
251	19001987	Trần Minh	Tiến	28/07/2004	19T4-THU1			7.8	
252	19000263	Nguyễn Văn	Tình	02/07/2000	19T4-CCK1	5.0	8.5	5.5	
253	19000913	Huỳnh Thái	Toàn	12/12/2004	19T4-CNÔ5	4.0	6.5		
254	19001250	Nguyễn Thanh	Toàn	04/10/2003	19T4-TKĐ2			7.0	
255	19001223	Lê Huy	Toàn	25/07/2004	19T4-CNÔ5	9.0	3.3	5.5	
256	19001320	Nguyễn Lê Hoàng	Trâm	08/04/2004	19T4-NNA2		6.8		
257	19000232	Bùi Ngọc	Trâm	16/05/2004	19T4-TKĐ1		7.5		
258	19002768	Phạm Ngọc Bảo	Trân	06/06/2004	19T4-NNA3			7.5	
259	19000737	Nguyễn Thị Bảo	Trân	31/05/2004	19T4-THU1		7.0	5.3	
260	19000527	Võ Thị Thu	Trang	27/08/1998	19T4-KTD1			6.0	
261	19001104	Hoàng Thị Thu	Trang	29/09/2004	19T4-NNA1			5.0	
262	19001522	Dương Thúy	Trang	16/05/2002	19T4-NNA2		10.0		
263	18001121	Nguyễn Hoàng	Trang	23/12/2003	18T4-NNA2		5.5		
264	17000039	Nguyễn Hữu	Trí	19/6/2002	17T4-ĐĐT1	8.8			

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	MÔN THI			Ghi chú
						Toán	Lý	Hóa	
265	19000353	Hồ Văn	Triều	08/01/2003	19T4-CNÔ2		6.8	5.0	
266	19001555	Nguyễn Văn Đông	Triều	12/12/2004	19T4-ĐĐT2	6.3			
267	19002157	Châu Lê	Trọng	06/11/2004	19T4-ĐCN2	2.3	4.5	3.5	
268	19001531	Phạm Nguyễn Thanh	Trúc	07/09/2004	19T4-LGT1		8.5	7.8	
269	17000192	Nguyễn Đoàn Trung	Trực	08/11/2002	17T4-QTM1	8.0			
270	19003146	Nguyễn Minh	Trung	30/07/2001	19T2-ĐCN1		7.0		
271	19001254	Nguyễn Thanh	Trung	19/01/2003	19T4-ANM2		3.3	5.0	
272	17000271	Phạm Nguyễn Đăng	Trường	18/4/2002	17T4-CNÔ2	5.0	6.0	5.0	
273	18000423	Phan Nguyễn Nhật	Trường	27/12/2003	18T4-ĐCN1	7.0	6.0	5.0	
274	18000501	Huỳnh Nhật	Trường	16/06/2003	18T4-TKĐ1		6.3		
275	19002819	Lê Minh	Trường	05/10/2003	19T4-VSL2		5.0		
276	17001036	Nguyễn Thanh	Tú	21/09/1999	17T4-ĐCN1	5.0	5.0	7.0	
277	19001581	Lê Văn	Tú	22/05/2004	19T4-ĐĐT2			5.0	
278	19000277	Phạm Anh	Tú	28/06/2002	19T4-LTM1			5.0	
279	19001460	Chương Thạch	Tuấn	20/03/2004	19T4-CMT1		9.0	6.5	
280	19001387	Hoàng Anh	Tuấn	12/04/2004	19T4-ĐCN2			5.0	
281	19001247	Phan Thanh	Tùng	17/06/2002	19T4-LĐL1		9.0	7.0	
282	19001151	Vũ Thanh	Tùng	27/12/2003	19T4-CNÔ5			5.5	
283	19000681	Lê Mạnh	Tường	08/03/2004	19T4-TKW1		10.0	5.5	
284	19000398	Phan Thị Thanh	Tuyền	26/04/2003	19T4-TKĐ1	5.0	7.0	5.3	
285	19001314	Trần Phi	Tuyết	26/11/2004	19T4-NNA2	6.0		5.0	
286	18000357	Nguyễn Tú	Uyên	15/07/2003	18T4-NNA1		6.0		
287	19000887	Đỗ Nguyễn Nhã	Uyên	03/05/2004	19T4-NNA1			6.0	
288	19000742	Nguyễn Hiền Phương	Uyên	29/07/2004	19T4-NNA1		5.3	2.8	
289	19001112	Phạm Đình Phương	Uyên	14/08/2004	19T4-QTD1		7.5		
290	19001901	Huỳnh Kim	Văn	24/05/2004	19T4-NNA3		8.5		
291	19000862	Nguyễn Quốc	Việt	26/08/2004	19T4-ANM2			7.5	

STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	MÔN THI			Ghi chú
						Toán	Lý	Hóa	
292	19001362	Nguyễn Quốc	Việt	20/09/2004	19T4-CNÔ1	5.0	6.0	7.0	
293	21001882	Nguyễn Tuấn	Việt	23/07/2003	21T2-ĐCN1	2.0	6.0		
294	19000322	Trần Quốc	Việt	04/08/2004	19T4-TKĐ1	4.0	6.8	5.0	
295	17000708	Phan Quang	Vinh	02/10/2002	17T4-CNÔ3			5.5	
296	18000105	Trần Quang	Vinh	20/11/2000	18T4-LTM1	1.3	5.0		
297	19000702	Hồ Quang	Vinh	29/11/2004	19T4-ANM2		6.5		
298	19000289	Nguyễn Phi	Vũ	23/02/2004	19T4-CNÔ2	5.0			
299	19002000	Phạm Lâm Phan	Vũ	19/04/2004	19T4-KML1	6.5	7.5	9.0	
300	19002544	Nguyễn Tường	Vy	11/09/2004	19T4-KTD2	3.8	5.3		
301	19001245	Nguyễn Bùi Khánh	Vy	11/04/2004	19T4-LGT1		8.3	8.0	
302	17003107	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	19/10/2002	17T4-ĐTC1		5.8		
303	19000238	Phạm Nguyễn Triều	Vỹ	06/01/2004	19T4-THU1		7.0		
304	19001327	Nguyễn Viết Ngọc	Vỹ	05/11/2004	19T4-TKĐ2		7.5	6.0	
305	19000874	Lê Như	Ý	25/07/2004	19T4-NNA1			5.0	
306	19000053	Trương Thị Hải	Yến	18/01/2004	19T4-LTM1	6.3			

Tổng cộng danh sách có 306 sinh viên.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ